

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST

Ngày 20-02-2019.

“V/v: Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ M'GAR –TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hoài Bảo – Phó Chủ tịch Liên đoàn lao động huyện.

2. Ông Trương Minh Mẫn – Phó Bí thư Đảng ủy thị trấn Quảng Phú.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 279/2018/TLST–HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2018, về việc: “**Xin ly hôn**”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐXX-ST ngày 11/01/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Ngọc A, sinh năm 1991 – *Có mặt*

Địa chỉ: Thôn AB, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1976- *Vắng mặt*

Địa chỉ: Thôn AB, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN;

*** Nguyên đơn:** Trong đơn khởi kiện ngày 21/9/2018 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Phạm Thị Ngọc A trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Phạm Thị Ngọc A và anh Lê Văn T đăng ký kết hôn vào ngày 29/9/2014, tại Ủy ban nhân thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống với nhau tại địa chỉ Thôn AB, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Quá trình duy trì cuộc sống hôn nhân; thời gian đầu anh chị sống với nhau đầm ấm, hạnh phúc. Tuy nhiên kể từ đầu năm 2016 trở lại đây, cuộc sống vợ chồng có nhiều nhàu mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình hai người không hợp nhau,

thường bất đồng về quan điểm, lối sống nên dẫn đến thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Tuy nhiên nguyên nhân chính là do anh T là người chồng sống không có trách nhiệm với gia đình, vợ con. Mặc dù chị đã cố gắng chịu đựng, nhịn nhục vì không muốn gia đình đổ vỡ, con cái sống thiếu tình cảm thương yêu của bố mẹ nhưng mọi cố gắng của chị cũng không làm cho chồng chị thay đổi. Trong thời gian xảy ra mâu thuẫn, mặc dù anh chị cũng được hai bên gia đình, địa phương hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không hàn gắn được tình cảm vợ chồng, hiện tại vợ chồng chị đã ly thân nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã kéo dài và rất trầm trọng. Vì vậy chị A đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh T.

- *Về con chung*: Trong thời gian chung sống, anh chị đã có với nhau 01 con chung là cháu Lê Minh N, sinh ngày 17/02/2015, cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang ở với chị. Hiện tại cháu còn rất nhỏ cần có sự chăm sóc của mẹ, vì vậy sau khi ly hôn nguyện vọng chị A xin nuôi con, chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* **Bị đơn**: Anh Lê Văn T:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh T vắng mặt không lên Tòa án để làm việc. Vì vậy Tòa án không lấy được lời khai của anh T cũng như không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- ***Về tố tụng***:

Đối với Thẩm phán: Đã tuân thủ đúng quy định theo Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Tuân thủ đúng với các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Đối với đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70; Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, không đến Tòa án tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật mà không có lý do chính đáng.

- ***Về nội dung***:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Ngọc A và anh Lê Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn hợp pháp theo quy định của pháp luật. Quá

trình duy trì cuộc sống hôn nhân giữa chị A và anh T nảy sinh nhiều mâu thuẫn, kéo dài mà không có biện pháp hay ý thức khắc phục. Vì vậy căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị A đối với anh T.

Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Minh N, sinh ngày 17/02/2015 cho chị Phạm Thị Ngọc A trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu N trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án nhân dân huyện CuM'gar đã tiến hành tổng đạt, niêm yết các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật cho bị đơn là anh Lê Văn T, nhưng anh T vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt là phù hợp.

[2] *Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật:* Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết là “Xin ly hôn và con chung” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án:* Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở để xác định: Chị Phạm Thị Ngọc A và anh Lê Văn T đăng ký kết hôn vào ngày 29/9/2014 tại Ủy ban nhân thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình duy trì cuộc sống chung vợ chồng; theo nguyên đơn giữa chị và anh T chỉ hạnh phúc được một thời gian ngắn thì nảy sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng. Nguyên nhân theo chị A là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, hay bất đồng về quan điểm, lối sống và trong sinh hoạt, anh T là người chồng sống không có trách nhiệm với gia đình, vợ con. Nay chị A xác định không còn tình cảm và không còn thương yêu chồng nữa, mâu thuẫn giữa hai người kéo dài và rất trầm trọng, không thể hàn gắn. Vì vậy chị A có nguyện vọng được ly hôn với anh T.

Qua kết quả xác minh tại địa phương thì được biết; sau khi kết hôn anh T và chị A chung sống với nhau tại thôn AB, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Chung sống với nhau một thời gian thì xảy ra nhiều mâu thuẫn nên anh chị đã ly thân nhau

khoảng 02 năm nay. Nay chị A có nguyện vọng xin ly hôn với anh T, quan điểm của địa phương là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

[4]Tại phiên tòa, nguyên đơn chị A vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh T. Hội đồng xét xử xét thấy; mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị đã rất trầm trọng và kéo dài. Trong thời gian xảy ra mâu thuẫn, mặc dù đã được hai bên gia đình, chính quyền địa phương động viên, hòa giải nhiều lần nhưng anh chị vẫn không có ý thức để hàn gắn, khắc phục và duy trì cuộc sống hôn nhân. Vì vậy căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A là có căn cứ.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Lê Minh N, sinh ngày 17/02/2015 cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang ở với chị A. Quá trình giải quyết chị A có nguyện vọng xin được nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện tại cháu N còn nhỏ nên cần có sự gần gũi, chăm sóc của mẹ nên cần giao cháu Lê Minh N cho chị A được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị A không yêu cầu anh Lê Văn T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn chị Phạm Thị Ngọc A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 4 Điều 147; b khoản 2 Điều 227, Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51; Điều 56, Điều 81, Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Ngọc A.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Phạm Thị Ngọc A được ly hôn với anh Lê Văn T.

- *Về con chung:* Giao cháu Lê Minh N, sinh ngày 17/02/2015 cho chị Phạm Thị Ngọc A trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành đủ (18 tuổi). Anh Lê Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên bố mẹ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con

chung. Anh Lê Văn T được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản quyền này.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí HNGĐ-ST*: Chị Phạm Thị Ngọc A phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0006828, ngày 24/09/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CưM'gar, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện CưM'gar;
- CC THADS huyện CưM'gar;
- Nguyên đơn; bị đơn;
- UBND thị trấn E;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Quang Cảnh